

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 05-7-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mụ;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1989; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm 1990; vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố GH, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh M chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh M chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, bỏ bê công việc, không lo chăm sóc gia đình. Vợ chồng sống ly thân 03 tháng nay.

Hiện tình cảm vợ chồng không còn do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Tr, sinh ngày 06-12-2012, hiện cháu Tr đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tiết kiệm được số tiền 89.000.000 đồng gửi Ngân hàng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Lê Văn M là bị đơn đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên không thể hiện lời khai của anh M.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn anh M chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ đương sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh M.

Về con chung: Giao cháu Tr cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh M chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 13-6-2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Chị T và anh M chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh M thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, bỏ bê công việc, không chăm sóc gia đình. Qua xác minh chính quyền địa phương thể hiện anh M có cư trú tại khu phố GH, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Tại địa phương anh M thường xuyên uống rượu và có gây rối trật tự công cộng. Mặc dù Tòa án đã niêm

yết các văn bản tố tụng cho anh M biết nhưng anh M không đến tham gia tố tụng điều đó cho thấy anh M không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Nay chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn, do đó, xét tình trạng vợ chồng giữa chị T và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh M có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Tr, sinh ngày 06-12-2012, hiện đang sống với chị T. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con. Hiện anh M đã bỏ địa phương đi không báo. Chị T có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Tr cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Anh M có quyền thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Cẩm T đối với anh Lê Văn M.

Chị Lê Thị Cẩm T được ly hôn anh Lê Văn M.

2. Về con chung: Giao chị Lê Thị Cẩm T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Lê Ngọc Tr, sinh ngày 06-12-2012.

Anh Lê Văn M không cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lê Thị Cẩm T không yêu cầu.

Anh Lê Văn M có quyền thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0009676 ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị Lê Thị Cẩm T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND thị trấn TB ;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu án văn ;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm